TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 06-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà Nguyễn Thùy P, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số C Ấp D, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh).

(Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2024)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trường A do bà Nguyễn Thùy P là người đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, vào ngày 01/5/2024 ông A cho bà T vay số tiền 59.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày (từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024), mức lãi suất 01%/tháng, mục đích vay tiền để làm vốn kinh doanh. Hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 01/5/2024.

Đến hạn trả nợ, ông A đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà T trả tiền gốc và lãi nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả được cho ông A bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Nguyễn Trường A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Hoài T trả cho ông Nguyễn Trường A số tiền gốc và lãi tổng cộng là 64.015.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 59.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024 là 590.000 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/11/2024 là 4.425.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 03/11/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Ngoài ra, ông A không còn yêu cầu khởi kiện nào khác. Ông A cho bà T vay tiền thì chỉ yêu cầu cá nhân bà T có nghĩa vụ trả nợ. Ông A không yêu cầu người nào khác có nghĩa vụ liên đới với bà T trả nợ cho ông A. Đề nghị Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Bị đơn bà Nguyễn Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa,… nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thùy P trình bày: Theo "Giấy mượn tiền" ngày 01/5/2024 thể hiện ông A cho bà T vay theo "lãi suất ngân hàng", giữa ông A và bà T thỏa thuận miệng mức lãi suất ngân hàng là 01%/tháng, ông A không có chứng cứ chứng minh lãi suất các bên đã thỏa thuận. Nay ông A thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định mức lãi suất ông A yêu cầu cụ thể như sau: Lãi suất trong hạn là 10%/năm (từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/11/2024) và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 03/11/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

Ông A chỉ giao dịch với bà T qua giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2024, không có giao dịch nào khác với bà T, cũng không biết bà T có giao dịch gì với người nào khác nên không cung cấp được tài liệu so sánh để giám định chữ viết và chữ ký của bà T trên giấy mượn tiền nhưng ông A cam kết bà T đã trực tiếp ký tên và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2024.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án tiến hành thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thủ tục thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thu thập chứng cứ, xác minh và công khai chứng cứ cũng như hòa giải.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và chấp hành nội quy phiên tòa do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra, việc vay tài sản đã xác lập trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện. Việc vay tài sản giữa ông A với bà T được thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 01/5/2024, vay số tiền 59.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, có chữ ký của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Việc bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông A nên ông A khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho ông A số tiền vốn vay là 59.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Mức lãi suất trong hạn là 0,83%/tháng từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024, lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, bị đơn bà T không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, trong giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2024 không ghi cụ thể lãi suất các bên thỏa thuận là bao nhiêu mà chỉ ghi *"Để làm vốn kinh doanh với lãi suất ngân hàng, thời hạn mượn là 30 ngày, kể từ ngày 01/5/2024 Hẹn đến ngày 01/6/2024..."*. Do đó, thể hiện các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trường A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 59.000.000 đồng và tiền lãi. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Trường A khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; bà Nguyễn Hoài T là người bị kiện nên được xác định là bị đơn trong vụ án. Việc ủy quyền của đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trường A do bà Nguyễn Thùy P là người đại diện theo ủy quyền có mặt. Bà Nguyễn Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về thủ tục tiền tố tụng:

Vụ án liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định không cần tiến hành thủ tục tiền tố tụng.

[5] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về phạm vi xét xử:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường A, thấy rằng:

[7.1] Về nợ gốc:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2024 do nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên tham gia giao kết hợp đồng là ông Nguyễn Trường A (bên cho vay) và bà Nguyễn Hoài T (bên vay), số tiền cho vay là 59.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024, theo lãi suất ngân hàng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Ông A đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh có việc cho bà T vay số tiền 59.000.000 đồng. Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không gửi văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, cần căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2024 để xác định bà T có vay của ông A số tiền 59.000.000 đồng, theo mức lãi suất ngân hàng, thời hạn vay là 30 ngày từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024. Kể từ ngày vay tiền đến nay thì bà T chưa thanh toán cho ông A khoản tiền gốc và lãi nào. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông A khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc đã vay 59.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn thấy rằng:

[7.2.1] Về lãi suất trong hạn:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2024 thể hiện nguyên đơn cho bị đơn vay theo mức "lãi suất ngân hàng" nhưng không thể hiện cụ thể lãi suất bao nhiêu, tại ngân hàng nào, vào thời điểm nào. Bà T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành đối chất xác định cụ thể lãi suất cho vay giữa các đương sự.

Tại phiên tòa, bà P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A xác định mức lãi suất ông A yêu cầu cụ thể như sau: Lãi suất trong hạn là 10%/năm (từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/6/2024); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/11/2024) và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 03/11/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2025 theo mức lãi suất 10%/năm.

Do các đương sự không xác định rõ lãi suất và ông A yêu cầu xác định lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2.2] Về tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay. Theo thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 01/5/2024 thì ngày đến hạn trả nợ của bà T là ngày 01/6/2024, kể từ ngày vay tiền đến nay bà T chưa thanh toán cho ông A khoản tiền gốc và lãi nào. Do bà T đã quá hạn thanh toán từ ngày 02/6/2024 nên phải có nghĩa vụ thanh toán

cho ông A tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn.

Do đó, ông A yêu cầu bà T trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn từ ngày 02/6/2024 đến ngày 06/8/2025 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7.2.3] Do đó, tiền lãi được tính cụ thể như sau: Tiền lãi = (59.000.000 đồng x 10%/năm x 01 tháng) + [59.000.000 đồng x (1,5 x 10%/năm) x 01 năm 02 tháng 04 ngày) = 11.062.500 đồng.

[8] Như vậy, bà T có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền gốc và lãi tổng cộng là: 59.000.000 đồng + 11.062.500 đồng = 70.062.500 đồng.

Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Hoài T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Trường A.

Ông Nguyễn Trường A không phải chịu án phí. H lại cho ông A tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trường An toàn B số tiền gốc và lãi còn nợ là 70.062.500 đồng (bảy mươi triệu không

trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó: tiền gốc là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), tiền lãi là 11.062.500 đồng (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Nguyễn Hoài T phải chịu 3.503.125 đồng (ba triệu năm trăm lẻ ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

3.2. Ông Nguyễn Trường A không phải chịu án phí. H lại cho ông Nguyễn Trường A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010692 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Bé – Đinh Ngọc Minh **Nguyễn Thị Thúy An**